



māo tóu yīng

猫头鹰

noun · owl

Example Sentences

Māo tóu yīng zài yè wǎn bǔ shí lǎo shǔ

猫头鹰在夜晚捕食老鼠。

Owls hunt mice at night.

Nà zhī māo tóu yīng de jiào shēng hěn xiǎng liàng

那只猫头鹰的叫声很响亮。

That owl's call is very loud.

Trace each character, then write the word on your own.

猫	猫	猫	猫	猫	猫	猫	猫	猫	猫	猫
猫	猫	猫								
头	头	头	头	头	头	头	头			
鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰
鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰